

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020

*V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Lành và ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc việc “*yêu cầu ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp BL, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.*

- *Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp BL, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.*

(Chị N và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Trương Văn T chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Về con chung:

Vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 12/12/2009 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ:

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn.

+ Về nội dung: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2019 cho đến nay, Tòa án đã triệu tập hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh T không đến điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: Giao người con chung là Trương Gia H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản và nợ: Do chị N và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về án phí chị N nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị N yêu cầu ly hôn với anh T và anh T có địa chỉ cư trú tại ấp BL, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Tại phiên tòa hôm nay chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận, bị đơn là anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[3] Về hôn nhân:

Xét thấy, chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân ly hôn theo chị N trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian này mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Lời trình bày của chị N phù hợp với biên bản xác minh địa phương vào ngày 01/7/2020 và ý kiến của bà Nguyễn Thị D là mẹ ruột của chị N về nguyên nhân ly hôn. Mặc khác anh T đã được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung:

Chị N và anh T có 01 người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 12/12/2009 hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau chị N là người trực tiếp nuôi con và đã đảm bảo được cuộc sống cho con chung, qua biên bản xác minh của địa phương ngày 01/7/2020 và biên bản xác minh của bà Nguyễn Thị D là mẹ ruột của chị N xác định hiện tại chị N có điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Theo quy định pháp luật, người không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong vụ án này chị N là người trực tiếp nuôi con, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, trường hợp sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung và nợ:

Chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[7] Về án phí:

Buộc chị N nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Chị N đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009255 ngày 22/4/2020 được chuyển thu án phí.

[8] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Tạm giao người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 12/12/2009 cho chị Lê Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trương Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Tuyết N nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Chị N đã dự nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009255 ngày 22/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã VPT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Kiều Song Toàn

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng Soàn ly hôn với anh Nguyễn Trường Giang.
2. Về con chung: Tạm giao người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Anh, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Nguyễn Hồng Soàn tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trường Giang có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Hồng Soàn nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Chị Soàn đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004646 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng Soàn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án (17/7/2020), anh Nguyễn Trường Giang có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

HTND

HTND

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA